

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **168/2023/DS-ST**  
Ngày 28-11-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lụa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Đức Tính

Ông Đào Quốc Kiểng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2023/TLST-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Bà Trần Hồng O, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

**- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H:** Bà Trần Hồng O, sinh năm 1978 (Theo giấy uỷ quyền ngày 25 tháng 8 năm 2023) (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1956 (có mặt).

Ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1950 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 11, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Phi H và nguyên đơn bà Trần Hồng O trình bày:**

Vào ngày 16/8/2004 bà và ông Nguyễn Phi H có ký biên bản cầm cố với ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng 10 cây 08 chỉ vàng 24K và số tiền 44.500.000 đồng, thời hạn là 01 năm. Từ năm 2006 đến năm 2021 ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T đã trả cho bà được 02 cây 06 chỉ vàng 24K và số tiền là 90.000.000 đồng. Như vậy ông Q đã trả cho bà được số tiền 45.000.000 đồng, đối trừ còn lại 45.000.000 đồng bà đồng ý quy đổi bằng 01 cây vàng 24K. Như vậy tổng cộng ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T trả cho bà được 03 cây 06 chỉ vàng 24K và số tiền 44.500.000

đồng. Còn nợ lại bà và ông H 07 cây 02 chỉ vàng 24K, nay đã hết thời hạn nên bà và ông H yêu cầu ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T trả cho ông, bà số vàng còn thiếu là 07 cây 02 chỉ vàng 24K, yêu cầu huỷ biên bản cầm cố giữa các bên.

- *Bị đơn ông Nguyễn Tấn Q trình bày:*

Ông thừa nhận vào ngày 16/8/2004 ông và vợ là bà Phạm Thị T có ký biên bản cầm cố với ông Nguyễn Phi H, bà Trần Hồng O. Ông có nhận của ông H 10 cây 08 chỉ vàng 24K và số tiền là 44.500.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Ông có giao cho ông H cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên phần đất có diện tích là 5,2 ha. Từ khi ký biên bản cầm cố vợ chồng ông vẫn canh tác phần đất của gia đình cho đến nay, không có giao đất cho ông H, bà O. Việc làm biên bản cầm cố chỉ để làm tin với ông H về việc vợ chồng ông có nhận của ông H số vàng và số tiền nêu trên. Sau đó ông có mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà O, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông đang giữ, bà O ông H không còn giữ giấy tờ gì của ông. Đối với yêu cầu của ông H, bà O ông thừa nhận hiện nay còn nợ và đồng ý trả cho ông H, bà O 07 cây 02 chỉ vàng 24K nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn chưa có điều kiện trả liền nên ông xin đến năm 2025 khi gia đình khai thác trầm thì ông sẽ trả đủ cho ông H, bà O.

- *Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Tấn Q, không bổ sung gì thêm.

\* *Tại phiên toà:* Bà O xác định việc ký biên bản cầm cố ngày 16/8/2004 là cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q để đảm bảo cho số vàng, tiền mà bà và ông H đã đưa cho ông Q, bà T vay. Bà và ông H không có nhận đất của ông Q và mục đích cũng không phải cầm cố đất để canh tác. Thực chất giữa các bên là giao dịch vay tài sản vì có thoả thuận lãi suất 1%/năm nhưng ông Q, bà T không có đóng lãi cho bà và ông H. au đó ông Q, bà T có gửi trả nhiều lần và hiện nay còn nợ lại 07 cây 02 chỉ vàng 24K. Nay bà chỉ yêu cầu ông Q, bà T trả cho bà và ông H 07 cây 02 chỉ vàng 24K, bà yêu cầu ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T đến tết dương lịch năm 2023 phải trả cho bà ½ số vàng, số còn lại thì trả sau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Phi H, bà Trần Hồng O khởi kiện ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T yêu cầu trả lại số vàng theo biên bản cầm cố ngày 16/8/2004, các bên đương sự đều xác định việc cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn Q là chỉ để làm tin bảo đảm cho số tiền và vàng đã đưa cụ thể trong biên bản cầm cố các bên có thoả thuận lãi suất 1%/năm nên bản chất là hợp đồng vay tài sản có bảo đảm nên tranh chấp giữa ông H, bà O với ông Q, bà T được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Phi H, bà Trần Hồng O khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T trả cho ông, bà số vàng còn thiếu là 07 (bảy) cây 02 (hai) chỉ vàng 24K. Ông Q, bà T thừa nhận còn thiếu và đồng ý trả cho ông H, bà

O nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn chưa có điều kiện trả liền nên xin đến năm 2025 khi gia đình khai thác trầm sẽ trả đủ cho ông H, bà O. Từ đó có cơ sở xác định giữa ông H, bà O với ông Q, bà T có phát sinh giao dịch vay 07 (bảy) cây 02 (hai) chỉ vàng 24K nên yêu cầu của ông H, bà O là có sơ sở chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Phi H, bà Trần Hồng O 07 (bảy) cây 02 (hai) chỉ vàng 24K. Do quan hệ tranh chấp được xác định là vay tài sản nên không xem xét yêu cầu hủy biên bản cầm cố của ông H, bà Q.

[4] Xét yêu cầu của bà Trần Hồng O yêu cầu ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T đến tết dương lịch năm 2023 phải trả cho bà ½ số vàng, số còn lại thì trả sau; Ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T thì xin đến năm 2025 khi gia đình khai thác trầm sẽ trả đủ cho ông H, bà O, xét yêu cầu của các bên là không có căn cứ chấp nhận. Vì phương thức trả vàng cụ thể của các bên thuộc giai đoạn thi hành bản án có hiệu lực pháp luật và thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự.

[5] Về án phí:

- Yêu cầu của ông Nguyễn Phi H, bà Trần Hồng O được chấp nhận nên không phải chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại.

- Ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên ông Q, bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

### **Q ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H, bà Trần Hồng O về việc yêu cầu ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T trả vàng.

- Buộc ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Phi H, bà Trần Hồng O số vàng là 07 (bảy) cây 02 (hai) chỉ vàng 24K.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Phi H, bà Trần Hồng O không phải chịu án phí. Ông H, bà O đã nộp tạm ứng án phí số tiền 9.990.000 (Chín triệu chín trăm chín chục nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011478 ngày 06 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

+ Ông Nguyễn Tấn Q, bà Phạm Thị T được miễn án phí.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Lụa**